TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **88**/2018/DS-ST
Ngày: 31 - 10 - 2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Nguyễn Văn Chậu.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Phạm Hoàng Nhân – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2018/TLST – DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Anh Huỳnh Văn C**, sinh năm: 1978. (Có mặt).

Địa chỉ: Số A/B, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: **Anh Nguyễn Tấn D**, sinh năm 1973, địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 8 năm 2018). (Anh D có mặt)

- *Bị đơn*: **Anh Lê Văn Vũ P**, sinh năm: 1981 (Có mặt).

Địa chỉ:ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2018 của anh Huỳnh Văn C và quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tấn D là người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Từ ngày 4 đến ngày 6/02/2018, anh C có bán sò thịt cho anh P 03 lần, với giá

86.000 đồng/kg, số lượng 4.999 kg, tổng cộng với số tiền 429.914.000 đồng. Khi xác lập giao dịch, hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản. Giao dịch diễn ra trực tiếp giữa anh C và anh P. Đến khi kết thúc ngày mua sò thứ ba, thì 02 bên có lập hợp đồng mua bán sò, lập thành 02 bản cùng một ngày 06/02/2018, nhưng do bản đầu tiên anh P viết và ký tên mà không có người làm chứng, nên anh C đã nhờ chị Nguyễn Thị Ánh T làm chứng và viết lại nội dung dùm và anh P ký tên vào, có chị Tuyết ký tên vào chỗ người làm chứng. Theo đó, anh P hẹn đến ngày 09/02/2018 sẽ thanh toán số tiền sò còn nợ lại anh C, vì anh P đã đưa trước 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến hẹn thì anh P chỉ thanh toán được cho anh C với số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại 279.914.000 đồng, và đến nay anh P vẫn chưa trả mà cứ hẹn lần hẹn lượt.

Nay anh C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P phải trả cho anh số tiền mua bán sò còn nợ là 279.914.000 đồng. Đồng thời, anh yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 09/02/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm tạm tính 09/02/2018 – 09/8/2018 là 06 tháng: 279.914.000 đồng x 6 tháng x1% = 16.790.000 đồng.

- Tại phiên Tòa, nguyên đơn vẫn yêu cầu tính lãi từ ngày 09/02/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 31/10/2018 là 08 tháng 22 ngày, nhưng chỉ tính tròn 08 tháng, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, nên tính ra số tiền lãi là 18.586.000 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 18/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn Vũ P trình bày:*

Anh thống nhất phần trình bày của anh C về thời gian mua bán, số lượng sò, giá mỗi kilogam sò, tổng số tiền đã mua và số tiền đã trả cũng như số tiền còn nợ lại đến nay là 279.914.000 đồng. Đồng thời, anh P cũng thống nhất thời gian lập 02 hợp đồng mua bán sò như anh C trình bày và thừa nhận chữ ký trong 2 hợp đồng mua bán sò là của anh. Anh mua sò về bán lại cho ông Ngô Văn K ở huyện Thạnh Phú để hưởng tiền chênh lệch, mỗi tấn anh được hưởng 500.000 đồng. Giao dịch mua bán sò diễn ra trực tiếp giữa anh và anh C, anh C giao sò cho anh và anh là người trả tiền cho anh C, anh C là người nhận tiền, nhận tại nhà anh C. Nhưng do ông K không thanh toán đủ tiền, nên anh không có tiền để trả lại cho anh C. Nay anh xin được trả dần, mỗi năm trả 40.000.000 đồng. Vào thời điểm mua bán sò với anh C thì anh độc thân, nên anh sẽ có trách nhiệm trả nợ cho anh C. Đối với yêu cầu tính lãi của anh C, thì anh không đồng ý trả, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả lãi, chỉ đồng ý trả vốn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vào tháng 02/2018, giữa anh C và anh P có quan hệ mua bán tài sản cụ thể là mua bán sò thịt với nhau và anh P còn nợ lại anh C 279.914.000 đồng. Nay anh C khởi kiện yêu cầu anh P trả số tiền mua bán sò còn nợ lại 279.914.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy xác nhận ngày 04/7/2018 của Công an xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre xác nhận anh Lê Văn Vũ P có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện còn đang sinh sống tại ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D.

* *Về nội dung:*

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn C buộc anh Lê Văn Vũ P trả số tiền mua bán sò còn nợ là: 279.914.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất.

[4] Cơ sở chứng cứ:

+ 02 Hợp đồng mua bán sò có chữ ký của anh Lê Văn Vũ P.

[5]. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của anh C trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, anh đều xác định giữa anh với anh P có giao dịch mua bán sò thịt với nhau với số lượng 4.999 kg, giá 86.000 đồng/kg, tổng cộng với số tiền 429.914.000 đồng, anh P đã trả được 150.000.000 đồng, còn nợ lại 279.914.000 đồng.

[6]. Đối với anh P thừa nhận có quan hệ mua bán tài sản là sò thịt như lời anh C trình bày, việc mua bán giữa hai bên được thiết lập từ ngày 04/02/2018 đến ngày 06/02/2018 và sau đó có lập hợp đồng mua bán sò vào ngày 06/02/2018, hứa đến ngày 09/02/2018 sẽ trả nhưng đến nay chưa trả và anh P thừa nhận đến nay còn nợ anh C 279.914.000 đồng. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là hai bản hợp đồng mua bán sò do anh P ký tên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

[7]. Từ cơ sở trên, xác định được giữa anh C và anh P có quan hệ giao dịch mua bán tài sản cụ thể là mua bán sò thịt, được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua hợp đồng mua bán thấy rằng, anh C đã thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền sở hữu, giao tài sản đầy đủ cho anh P, anh P đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền đầy đủ cho anh C, nên anh C khởi kiện yêu cầu anh P trả số nợ còn lại là 279.914.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C.

[8]. Xét yêu cầu tính lãi của anh C đối với anh P, tính từ ngày 09/02/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 31/10/2018 là 08 tháng 22 ngày, nhưng nguyên đơn chỉ tính tròn 08 tháng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận, và yêu cầu tính theo mức lãi suất quy định của pháp luật ra số tiền là 18.586.000 đồng.

[9]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Do 02 bên lúc giao dịch mua bán, khi làm giấy tay chỉ thỏa thuận thời gian trả số nợ mà không thỏa thuận gì về lãi suất nếu chậm trả tiền, nên mức lãi suất theo quy định pháp luật được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 là: 279.914.000 đồng x (10% : 12) x 8 tháng = 18.586.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu tính lãi của anh C là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi anh P phải trả cho Cương là: 18.586.000 đồng.

[10]. Tổng cộng số tiền vốn và lãi anh P phải trả cho anh C là: 298.500.000 đồng.

- Xét yêu cầu xin trả dần của anh P:

[11]. Anh P xin trả dần mỗi năm 40.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ 279.914.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ, nhưng không được anh C đồng ý. *Hội đồng xét xử xét thấy*, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

[12]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[13]. Do yêu cầu khởi kiện của anh C được chấp nhận toàn bộ nên anh P chịu án phí của số tiền: 298.500.000 đồng, cụ thể:

298.500.000 đồng x 5% = 14.925.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, Điều 440; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn C đối với anh Lê Văn Vũ P về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*".

2. Buộc anh Lê Văn Vũ P phải có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Văn C số tiền nợ mua bán tài sản là 298.500.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 279.914.000 đồng (Hai trăm bảy mươi

chín triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng) và tiền lãi 18.586.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Huỳnh Văn C cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Lê Văn Vũ P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Lê Văn Vũ P phải chịu là 14.925.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Huỳnh Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.918.000 đồng (Sáu triệu chín trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018149 ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên